TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A, TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/8/2023
V/v tranh chấp " Ly hôn, nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

**** Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K:*** Ông Trần Văn Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2023 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến tại 02 điểm cầu gồm điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A và điểm cầu thành phần nơi nguyên đơn cư trú tại số 649/1/9 đường M, phường V, thành phố R, tỉnh K đối với vụ án thụ lý số: 107/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp 9, xã Đ, huyện A, tỉnh K. Địa chỉ liên lạc: 649/1/9 đường M, phường V, thành phố R, tỉnh K. Có mặt tại điểm cầu thành phần;

2. *Bị đơn*: Anh Lê Văn B, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 9, xã Đ, huyện A, tỉnh K. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:***

Vào năm 2010 chị có kết hôn với anh Lê Văn B (có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 133/2015 cấp ngày 24/9/2015 đăng ký tại UBND xã Đ, huyện A). Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau về quan điểm sống, anh B không lo làm ăn, không hề quan tâm chia sẻ với vợ con, làm có bao nhiêu tiền anh đều tiêu xài hết, không cùng chị xây dựng hạnh phúc đã vậy còn ghen tuông vô cớ, kiếm chuyện hành hung chị. Tuy vậy chị cũng cố gắng chịu đựng để lo cho các con nhưng đến nay anh vẫn không chịu sửa đổi, chị cương quyết bỏ đi. Chị và anh B đã ly thân từ tháng 8 năm 2022 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị đề nghị ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Lê Văn B.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Mộng K, sinh ngày 27/3/2011 và Lê Thị Ngọc V, sinh ngày 27/3/2015. Sau khi ly hôn chị đồng ý giao con cho anh B nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Văn B không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Chị H: Vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn; chị đồng ý tiếp tục giao 02 con chung cho anh B nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung: chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh B: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn vắng mặt không đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Lê Văn B. Về con chung: Tiếp tục giao Lê Thị Mộng K, sinh ngày 27/3/2011 và Lê Thị Ngọc V, sinh ngày 27/3/2015 cho anh B nuôi dưỡng, Chị H không cấp dưỡng nuôi con do anh B không có yêu cầu. Về tài sản

chung, nợ chung: Chị H xác định không có, anh B không có ý kiến gì về tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn B có hộ khẩu thường trú ở Ấp 9, xã Đ, huyện A, tỉnh K. Vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Văn B là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh đã vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B trong vụ án này.

Tòa án nhân dân huyện A đã thụ lý vụ án và đã tiến hành các thủ tục pháp lý; tiến hành phiên họp kiểm tra, tiếp cận giao nộp chứng cứ và hòa giải, tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Chị H có đủ điều kiện tham gia phiên tòa bằng hình thức trực tuyến nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trực tuyến.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Xét thấy quan hệ hôn nhân của Chị H và anh B là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Do mai mối chị H và anh B tiến đến hôn nhân. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị H nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp nhau về quan điểm sống, anh B không lo làm ăn, không hề quan tâm chia sẻ với vợ con, làm có bao nhiêu tiền anh đều tiêu xài hết, không cùng chị xây dựng hạnh phúc đã vậy còn ghen tuông vô cớ, kiếm chuyện hành hung chị. Chị và anh B đã ly thân từ tháng 8 năm 2022 đến nay.

Anh B không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như nguyên nhân mâu thuẫn mà phía chị H đưa ra. Mặc dù Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng nhiều lần nhưng anh B bỏ mặc không có văn bản thể hiện ý kiến, nguyện vọng của mình. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị H và anh B là không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H xác định giữa chị và anh B có 02 con chung là Lê Thị Mộng K, sinh ngày 27/3/2011 và Lê Thị Ngọc V, sinh ngày 27/3/2015. Hiện do anh B nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục giao 02 con chung cho anh B nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị H và anh B ly thân đến nay do anh B nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Đồng thời theo Đơn xin trình bày nguyện vọng ngày 11 tháng 4 năm 2023 thì 02 con chung đều có nguyện vọng sống chung với anh Lê Văn B. Do đó, để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi của con chung, Hội đồng xét xử xét cần tiếp tục giao con chung là Lê Thị Mộng K, sinh ngày 27/3/2011 và Lê Thị Ngọc V, sinh ngày 27/3/2015 cho anh Lê Văn B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định không có. Anh B không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Lê Văn B.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Lê Thị Mộng K, sinh ngày 27/3/2011 và Lê Thị Ngọc V, sinh ngày 27/3/2015 cho anh Lê Văn B tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Tiền cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001246 ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K. Xem như chị H đã thi hành xong phần án phí.

5. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU